

Số: 30/2023/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 ; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Hồ Thị S, sinh năm: 1998; địa chỉ: Thôn AR, xã HH, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Anh Hồ Văn N, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn AR, xã HH, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 28 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị S và Anh Hồ Văn N đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 8 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Hạ, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị S và anh N có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, hoà thuận. Tuy nhiên, sau này vợ chồng thường xuyên có những bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung do xảy ra ghen tuông, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã xích mích. Đến ngày 09 tháng 01 năm 2023, gia đình nhà anh N đã làm thủ tục theo phong tục tập quán địa phương trả chị S về nhà mẹ đẻ. Từ đó, vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, việc thuận tình ly

hôn giữa chị S và anh N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Hồ Thị S và Anh Hồ Văn N.

[2] Về con chung và riêng:

- Con chung: Chị Hồ Thị S và Anh Hồ Văn N có 03 người con chung tên: Hồ Ánh Ch; sinh ngày 11/3/2015, Hồ Thị Bảo Ch1; sinh ngày 17/9/2017 và Hồ Thị Bích Ch2; sinh ngày 22/12/2018. chị S và anh N thỏa thuận giao cả 03 cháu cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). chị S cấp nộp tiền nuôi dưỡng nuôi mỗi người con là 400.000 đồng/tháng, tổng cộng hàng tháng chị S cấp dưỡng nuôi 03 người con là 1.200.000 đồng/ tháng. Thời gian từ khi có quyết định ly hôn đến lúc các con đủ 18 tuổi.

- Con riêng của Chị Hồ Thị S là: Hồ Thị Như A; sinh năm 26/8/2013, chị S trực tiếp giáo dục nuôi dưỡng, anh N không phải nộp tiền trợ cấp.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Chị Hồ Thị S và Anh Hồ Văn N không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai người tự phân chia trả nợ.

[5] Về lệ phí: Chị Hồ Thị S và Anh Hồ Văn N thỏa thuận giao trách nhiệm cho anh N nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị S và Anh Hồ Văn N thuận tình ly hôn.
- Về con chung:

Hồ Ánh Ch; sinh ngày 11/3/2015, Hồ Thị Bảo Ch1; sinh ngày 17/9/2017 và Hồ Thị Bích Ch2; sinh ngày 22/12/2018 anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). chị S nộp tiền nuôi dưỡng 03 người con là 1.200.000 đồng/ tháng. Trong đó mỗi người 400.000 đồng/ tháng. Thời gian từ khi có quyết định ly hôn đến lúc các con đủ 18 tuổi.

+ Con riêng của Chị Hồ Thị S là: Hồ Thị Như A; sinh năm 26/8/2013, giao cho chị S giáo dục nuôi dưỡng, anh N không phải nộp tiền trợ cấp.

anh N và chị S có quyền đi lại thăm con, không ai có quyền ngăn cấm.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Chị Hồ Thị S và Anh Hồ Văn N không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai người tự phân chia trả nợ.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hồ Văn N tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ

vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002937, ngày 18/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. Anh Hồ Văn N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đối với khoản cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự; được bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CC THADS huyện A Lưới;
- UBND xã Hồng Hạ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Hồ Văn Vĩnh